

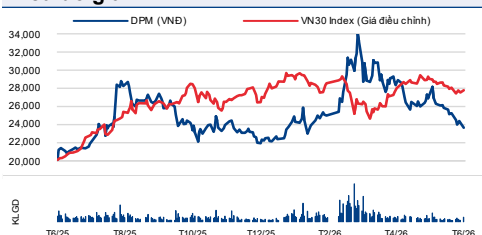
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ32,400
Tiềm năng tăng/giảm: 36.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/6/2026)	23,750
Mã Bloomberg	DPM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,750-34,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	23,867
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	16,150
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	614
Slg CP lưu hành (tr.đv)	680
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	340
Slg CP NN được mua (tr.đv)	306
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	4.93%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	PVN (59.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	16,564	20,495	20,655
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,379	2,561	2,428
LNTT (tỷ đồng)	1,353	2,267	2,119
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,074	1,830	1,711
FCF (tỷ đồng)	(2,202)	2,347	1,054
EPS ĐC (đồng)	1,579	2,691	2,516
DPS (đồng)	1,500	1,500	1,500
BVPS (đồng)	16,960	18,173	19,207
T.trưởng EBITDA (%)	82.3	85.8	(5.19)
T.trưởng EPS ĐC (%)	178	22.2	(6.51)
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.32	12.5	11.8
Tỷ suất LNTT (%)	8.17	11.1	10.3
Tỷ suất LNT ĐC (%)	6.48	8.93	8.28
Tỷ lệ LN trả CT (%)	68.1	55.7	59.6
Nợ thuần/VCSH (%)	28.2	15.3	12.6
ROAE (%)	9.46	15.3	13.5
ROACE (%)	8.90	17.4	15.2
EV/doanh thu (lần)	0.69	0.50	0.48
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.34	3.97	4.09
P/E ĐC (lần)	15.0	8.83	9.44
P/B (lần)	1.40	1.31	1.24
Lợi suất cổ tức (%)	6.32	6.32	6.32

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Nhà sản xuất và phân phối phân bón hàng đầu Việt Nam, chiếm 40% thị phần thị trường urea.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Hội nghị Emerging Vietnam: Triển vọng KQKD Q2/2026 tích cực

- Lợi nhuận Q2/2026 của DPM được kỳ vọng sẽ vượt mức cao của Q1/2026, nhờ giá xuất khẩu cao, nhu cầu phục hồi theo yếu tố mùa vụ và nguồn cung toàn cầu hạn chế, trong khi chi phí khí đầu vào ổn định và chính sách hoàn thuế hỗ trợ tỷ suất lợi nhuận. Theo đó, lợi nhuận nửa đầu năm 2026 nhiều khả năng sẽ vượt đáng kể so với kế hoạch cả năm.
- DPM đang đẩy nhanh chiến lược đa dạng hóa sang các sản phẩm hóa chất có giá trị gia tăng cao hơn (ví dụ: H₂O₂, CO₂, DEF, H₂SO₄) và mở rộng công suất NPK (bao gồm nhà máy mới công suất 250.000 tấn/năm và các cơ hội M&A tiềm năng), qua đó cải thiện tỷ suất lợi nhuận và hỗ trợ mục tiêu doanh thu 31,2 nghìn tỷ đồng vào năm 2030.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu. DPM đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới ở mức 9 lần, thấp hơn 1,3 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 16,2 lần.

Sự kiện: Hội nghị HSC Emerging Vietnam 2026

DPM đã tham gia Hội nghị Emerging Vietnam do HSC tổ chức ngày 10-12/6 và chia sẻ một số nội dung chính như sau.

Triển vọng Q2/2026 tích cực nhờ giá bán và hoạt động xuất khẩu

Triển vọng KQKD Q2/2026 được đánh giá tích cực, với kết quả dự kiến vượt mức cao của Q1/2026, qua đó giúp lợi nhuận nửa đầu năm 2026 vượt đáng kể kế hoạch cả năm ở mức 680 tỷ đồng. Lưu ý, HSC hiện dự báo lợi nhuận thuần năm 2026 của DPM đạt 1.830 tỷ đồng.

Tăng trưởng lợi nhuận quý này nhờ việc ghi nhận các hợp đồng xuất khẩu có giá bán cao được ký kết vào cuối Q1/2026. Nhu cầu trong nước cũng được kỳ vọng tăng trong Q2/2026 nhờ yếu tố mùa vụ.

Giá bán tiếp tục là động lực hỗ trợ quan trọng, khi giá bán bình quân trong tháng 4 của urê và NPK đã cao hơn đáng kể so với mức bình quân của Q1/2026 là 11.235đ/kg và 12.275đ/kg. Ngoài ra, lượng tồn kho trên toàn quốc đã giảm xuống mức thấp nhất trong năm vào giai đoạn tháng 5-6 (190-210.000 tấn đối với urê), qua đó hỗ trợ giá bán duy trì ở mức cao trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu thắt chặt do gián đoạn tại Trung Đông và hoạt động xuất khẩu từ Trung Quốc bị hạn chế.

Mặc dù giá khí đầu vào được điều chỉnh hằng tháng theo giá dầu FO nhưng việc tiếp tục được hoàn thuế cùng với cước vận tải ổn định được kỳ vọng sẽ giúp duy trì tỷ suất lợi nhuận ở mức tích cực, tạo điều kiện để Công ty hoàn thành kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Các yếu tố trong nước và quốc tế hỗ trợ triển vọng ngắn hạn

Thị trường phân bón toàn cầu tiếp tục được hỗ trợ trên cơ sở nguồn cung hạn chế và gián đoạn logistic, trong đó căng thẳng tại Trung Đông – đặc biệt là rủi ro đối với khoảng 30% nguồn cung urê xuất khẩu của khu vực đi qua Eo biển Hormuz – đang giữ giá ở mức cao bất chấp đợt điều chỉnh giảm hơn 200 USD/tấn vào đầu tháng 5. Nguồn cung cũng bị thắt chặt trong Q1 do Trung Quốc chậm cấp hạn ngạch xuất khẩu; mặc dù khoảng 3 triệu tấn có thể được giải phóng trong giai đoạn tháng 6-9 nhưng chỉ khoảng 1,6 triệu tấn được kỳ vọng dành cho xuất khẩu urê thương mại, trong khi phần còn lại sẽ được phân bổ cho các hợp đồng của Chính phủ. Trong khi đó, Ấn Độ tiếp tục ghi nhận nhu cầu cao nhưng sản xuất bị hạn chế do nguồn khí được ưu tiên cho các lĩnh vực khác, qua đó làm gia tăng sự phụ thuộc vào nhập khẩu và tiếp tục hỗ trợ giá phân bón toàn cầu.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/6.

(Xem tiếp trang 2)

Trong nước, diễn biến thị trường đang chuyển từ trạng thái kém tích cực trong Q1 sang tích cực hơn trong Q2, với nhu cầu tăng 37% trong 3 tuần đầu tháng 5 khi Đồng bằng sông Cửu Long bước vào vụ hè thu cao điểm và mùa mưa bắt đầu tại các khu vực trọng điểm. Giá urê ở mức cao đang thúc đẩy xu hướng chuyển sang sử dụng NPK, qua đó nâng công suất hoạt động, trong khi giá trong nước tiếp tục bám sát xu hướng toàn cầu. Giá urê trong tháng 4 đã cao hơn mức bình quân Q1/2026 là 11.235đ/kg và dự kiến sẽ được phản ánh vào KQKD Q2/2026.

Mặc dù giá cao có thể ảnh hưởng đến khả năng chi trả của nông dân trong dài hạn nhưng sản lượng tiêu thụ trong ngắn hạn vẫn duy trì tích cực nhờ giá các mặt hàng nông sản ở mức cao (ví dụ: gạo và cà phê).

Diễn biến chi phí đầu vào

Nguyên liệu đầu vào chính của DPM trong sản xuất urê là khí tự nhiên, với giá được xác định theo công thức quy định gồm 46% giá MFO + cước phí vận chuyển (MFO là giá dầu FO bình quân tại Singapore, được điều chỉnh hằng tháng).

Trong Q1/2026, chi phí đầu vào duy trì tương đối ổn định và ở mức “khá thuận lợi” (được hỗ trợ bởi chính sách hoàn thuế GTGT đối với khí đầu vào, vốn chưa có trong năm trước), khiến chi phí thực tế chỉ tăng nhẹ bất chấp những biến động của thị trường. Đối với sản xuất NPK, chi phí đầu vào thay đổi tùy theo từng công thức sản phẩm do danh mục sản phẩm rất đa dạng, trong khi sản xuất DAP bị hạn chế bởi nguồn cung quặng apatit trong nước còn hạn chế.

Công ty cũng đang triển khai dự án sinh khối sử dụng chất thải hữu cơ (ví dụ: phụ phẩm than hoặc gỗ) để tạo hơi nước, với mục tiêu giảm dần mức tiêu thụ khí tự nhiên trong dài hạn.

DPM hướng đến gia tăng giá trị thông qua mảng hóa chất và chiến lược mở rộng tích hợp

DPM đã xây dựng chiến lược tăng trưởng đầy tham vọng với mục tiêu doanh thu đạt 31,2 nghìn tỷ đồng (khoảng 1 tỷ USD) vào năm 2030, được hỗ trợ bởi chiến lược đa dạng hóa sang lĩnh vực hóa chất và mở rộng nền tảng phân bón, trong đó các sản phẩm hóa chất mới được kỳ vọng sẽ đóng góp khoảng 17% tổng sản lượng trong vòng 5 năm tới.

Mảng hóa chất là một trong những trụ cột đầu tư cốt lõi, bao gồm các dự án như H_2O_2 (40.000 tấn/năm), cùng với NH_3 , CO_2 và DEF, bên cạnh kế hoạch xây dựng nhà máy H_2SO_4 công suất 300.000 tấn/năm (liên doanh với CTCP Lọc hóa dầu Nghi Sơn (doanh nghiệp tư nhân/chưa niêm yết), hiện đang trong giai đoạn nghiên cứu khả thi và ký kết biên bản ghi nhớ), nhằm hỗ trợ tự chủ nguồn phốt pho cho sản xuất DAP và giảm phụ thuộc vào nguồn cung quặng apatit hạn chế. Nhìn chung, Công ty đặt mục tiêu bổ sung khoảng 1,2 triệu tấn sản lượng hóa chất trong giai đoạn 2026-2030.

Song song đó, DPM tiếp tục củng cố mảng phân bón cốt lõi, với kế hoạch xây dựng nhà máy NPK mới công suất 250.000 tấn/năm tại Tây Nguyên (tương đương công suất hiện hữu), thực hiện M&A các tài sản NPK đang hoạt động tại miền Trung và mở rộng sang mảng phân bón hữu cơ tại khu vực miền Trung và Đông Nam Bộ. Đồng thời, Công ty vẫn duy trì tính linh hoạt trong sản xuất thông qua dây chuyền NPK hiện hữu có khả năng sản xuất 30.000 tấn DAP mỗi năm tùy theo điều kiện thị trường. Để nâng cao hiệu quả chi phí và tính bền vững, Công ty cũng đang đầu tư vào dự án sinh khối sử dụng chất thải hữu cơ (ví dụ: phụ phẩm than hoặc gỗ) để tạo hơi nước, qua đó giảm sự phụ thuộc vào khí tự nhiên và hỗ trợ duy trì tỷ suất lợi nhuận khi quy mô sản xuất được mở rộng hướng tới các mục tiêu dài hạn.

Duy trì khuyến nghị Mua vào

Giá cổ phiếu đã giảm 12% & 23% trong 1 tháng & 3 tháng qua, nhiều khả năng do thị trường kỳ vọng Eo biển Hormuz được mở lại và Trung Quốc quay trở lại thị trường xuất khẩu, qua đó gây áp lực ngắn hạn lên giá phân bón. DPM đang

giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 9 lần, thấp hơn 1,3 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 16,2 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	13,496	16,564	20,495	20,655	20,655
Lợi nhuận gộp	1,898	2,939	4,502	4,146	4,004
Chi phí BH&QL	(1,540)	(1,929)	(2,388)	(2,178)	(2,186)
Thu nhập khác	4.46	18.0	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	363	1,028	2,115	1,968	1,819
Lãi vay thuần	304	322	149	148	136
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	2.65	3.04	3.27	3.43	3.60
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	669	1,353	2,267	2,119	1,958
Chi phí thuế TNDN	(115)	(258)	(390)	(364)	(337)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(16.5)	(21.9)	(46.9)	(43.9)	(40.5)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	538	1,074	1,830	1,711	1,581
Lợi nhuận thuần ĐC	538	1,074	1,830	1,711	1,581
EBITDA ĐC	756	1,379	2,561	2,428	2,294
EPS (đồng)	791	2,202	2,691	2,516	2,325
EPS ĐC (đồng)	791	1,579	2,691	2,516	2,325
DPS (đồng)	2,000	1,500	1,500	1,500	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	680	488	680	680	680
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	680	680	680	680	680
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	680	680	680	680	680

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	1,005	1,168	2,548	2,823	3,317
Đầu tư ngắn hạn	9,464	7,835	7,835	7,835	7,443
Phải thu khách hàng	653	1,390	1,362	1,494	1,533
Hàng tồn kho	1,731	3,434	3,008	3,244	3,533
Các tài sản ngắn hạn khác	367	683	611	661	712
Tổng tài sản ngắn hạn	13,220	14,510	15,364	16,057	16,539
TSCĐ hữu hình	1,942	1,818	1,910	2,007	2,109
TSCĐ vô hình	859	894	831	767	704
Bất động sản đầu tư	181	171	161	152	142
Đầu tư dài hạn	3.60	3.60	3.60	3.60	3.60
Đầu tư vào Cty LD,LK	30.6	31.8	31.8	31.8	31.8
Tài sản dài hạn khác	317	348	439	453	442
Tổng tài sản dài hạn	3,333	3,267	3,376	3,414	3,433
Tổng cộng tài sản	16,552	17,777	18,741	19,471	19,971
Nợ ngắn hạn	3,422	4,164	4,164	4,164	4,164
Phải trả người bán	691	671	924	917	902
Nợ ngắn hạn khác	811	844	688	615	598
Tổng nợ ngắn hạn	5,199	6,028	6,179	6,156	6,095
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	133	133	133	133	133
Nợ dài hạn khác	41.2	82.7	71.6	122	114
Tổng nợ dài hạn	174	215	204	255	247
Tổng nợ phải trả	5,372	6,244	6,383	6,410	6,342
Vốn chủ sở hữu	11,180	11,533	12,358	13,061	13,630
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	11,180	11,533	12,358	13,061	13,630
Tổng nợ phải trả và VCSH	16,552	17,777	18,741	19,471	19,971
BVPS (đ)	16,441	16,960	18,173	19,207	20,044
Nợ thuần*/(tiền mặt)	2,417	2,996	1,616	1,341	847

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	363	1,028	2,115	1,968	1,819
Khấu hao	(394)	(351)	(447)	(461)	(475)
Lãi vay thuần	304	322	149	148	136
Thuế TNDN đã nộp	(115)	(258)	(390)	(364)	(337)
Thay đổi vốn lưu động	188	(3,061)	1,011	(390)	(449)
Khác	(186)	(454)	(426)	(270)	(215)
LCT thuần từ HKKD	948	(2,072)	2,905	1,552	1,430
Đầu tư TS dài hạn	(85.5)	(129)	(558)	(498)	(494)
Góp vốn & đầu tư	(17,258)	(19,079)	0	0	392
Thanh lý	0.52	2.82	0	0	0
Khác	13,535	21,286	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(3,808)	2,081	(558)	(498)	(102)
Cổ tức trả cho CSH	(801)	(587)	(1,020)	(1,020)	(1,020)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	5,068	8,381	52.8	241	186
Khác	(1,646)	(7,638)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,621	155	(967)	(779)	(834)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,242	1,005	1,168	2,548	2,823
LCT thuần trong kỳ	(240)	164	1,380	275	494
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.18	(0.40)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,005	1,168	2,548	2,823	3,317
Dòng tiền tự do	862	(2,202)	2,347	1,054	936

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	14.1	17.7	22.0	20.1	19.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.60	8.32	12.5	11.8	11.1
Tỷ suất LNT (%)	3.98	6.48	8.93	8.28	7.65
Thuế TNDN hiện hành (%)	17.2	19.0	17.2	17.2	17.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(0.54)	22.7	23.7	0.78	0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	7.26	82.3	85.8	(5.19)	(5.54)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	3.52	99.7	70.4	(6.51)	(7.59)
Tăng trưởng EPS (%)	3.52	178	22.2	(6.51)	(7.59)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	3.52	99.7	70.4	(6.51)	(7.59)
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	(25.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	253	68.1	55.7	59.6	64.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	4.73	9.46	15.3	13.5	11.8
ROACE (%)	3.13	8.90	17.4	15.2	13.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.90	0.97	1.12	1.08	1.05
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	2.61	(2.02)	1.37	0.79	0.79
Số ngày tồn kho	54.5	92.0	68.7	71.7	77.5
Số ngày phải thu	20.6	37.2	31.1	33.0	33.6
Số ngày phải trả	21.7	18.0	21.1	20.3	19.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	23.6	28.2	15.3	12.6	8.44
Nợ/tài sản (%)	22.0	24.9	23.7	23.0	22.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	4.81	3.21	1.73	1.84	1.95
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.54	2.41	2.49	2.61	2.71
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.69	0.69	0.50	0.48	0.48
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.3	8.34	3.97	4.09	4.30
P/E (lần)	30.0	10.8	8.83	9.44	10.2
P/E ĐC (lần)	30.0	15.0	8.83	9.44	10.2
P/B (lần)	1.44	1.40	1.31	1.24	1.18
Lợi suất cổ tức (%)	8.42	6.32	6.32	6.32	6.32

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn